

TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ DỰ TOÁN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ NGHÈO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chính sách	Tổng định mức (Triệu đồng)	Chương trình MTQG dân tộc và miền núi				Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS		Nguồn vốn quỹ "vì người nghèo" của UBND tỉnh	Vốn vay ngân hàng CSXH tỉnh	Nhu cầu (lượt)	Tổng nhu cầu nguồn vốn thực hiện năm 2023	Chương trình MTQG dân tộc và miền núi - Dự án 1						Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS			Nguồn vốn vận động từ quỹ "vì người nghèo" của UBND tỉnh	Vốn vay ngân hàng CSXH tỉnh
			NS Trung ương		NS tỉnh đối ứng		Nguồn ĐT công của tỉnh	Nguồn sự nghiệp của tỉnh					Nguồn ĐTPT			Nguồn sự nghiệp			Tổng	Nguồn ĐT công của tỉnh	Nguồn sự nghiệp của tỉnh		
			ĐTPT	SN	ĐTPT	SN							Tổng	Trung ương	Tỉnh, huyện	Tổng	Trung ương	Tỉnh, huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+17+20+23+24	14=15+16	15	16	17=18+19	18	19	20=21+22	21	22	23	24
Tổng cộng											3.364	118.351	28.451	24.740	3.711	8.154	7.090	1.064	44.259	17.000	27.259	34.408	3.080
1	Hỗ trợ đất ở	50									15	750	644	560	84	-	-	-	106	106	-	-	-
1.1	Số hộ thuộc vùng DTTS&MN	50	40		6		4				14	700	644	560	84	-	-	-	56	56	-	-	-
1.2	Số hộ ngoài vùng DTTS&MN	50					50				1	50	-	-	-	-	-	-	50	50	-	-	-
2	Hỗ trợ nhà ở																						
2.1	Hỗ trợ xây nhà mới	86									673	57.878	24.426	21.240	3.186	-	-	-	852	852	-	32.600	
a	Số hộ thuộc vùng DTTS&MN	86	40		6				40		531	45.666	24.426	21.240	3.186	-	-	-	-	-	-	21.240	
b	Số hộ ngoài vùng DTTS&MN	86					6		80		142	12.212	-	-	-	-	-	-	852	852	-	11.360	
2.2	Hỗ trợ sửa nhà	30									180	5.400	3.381	2.940	441	-	-	-	2.019	2.019	-	-	-
a	Số hộ thuộc vùng DTTS&MN	30	20		3		7				147	4.410	3.381	2.940	441	-	-	-	1.029	1.029	-	-	-
b	Số hộ ngoài vùng DTTS&MN	30					30				33	990	-	-	-	-	-	-	990	990	-	-	-
2.3	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh	15									139	2.085	-	-	-	-	-	-	2.085	2.085	-	-	-
3	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán										415	11.938							11.938	11.938			
3.1	Hỗ trợ đào giếng	15					15				27	405	-	-	-	-	-	-	405	405	-	-	-
3.2	Hỗ trợ khoan giếng	30					30				384	11.519	-	-	-	-	-	-	11.519	11.519	-	-	-
3.3	Hỗ trợ bồn đựng nước	3,5					3,5				4	14	-	-	-	-	-	-	14	14	-	-	-
4	Hỗ trợ kéo điện										427	1.808							-	-		1.808	
4.1	Hỗ trợ điện lưới	3,5							3,5		370	1.295	-	-	-	-	-	-			-	1.295	-
4.2	Hỗ trợ điện mặt trời	9							9		57	513	-	-	-	-	-	-			-	513	-
5	Hỗ trợ ti vi	4							4		178	712	-	-	-	-	-	-	712	-	712	-	-

STT	Nội dung chính sách	Tổng định mức (Triệu đồng)	Chương trình MTQG dân tộc và miền núi				Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS		Nguồn vốn quỹ "vì người nghèo" của UBND tỉnh	Vốn vay ngân hàng CSXH tỉnh	Nhu cầu (lượt)	Tổng nhu cầu nguồn vốn thực hiện năm 2023	Chương trình MTQG dân tộc và miền núi - Dự án 1						Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS			Nguồn vốn vận động từ quỹ "vì người nghèo" của UBND tỉnh	Vốn vay ngân hàng CSXH tỉnh
			NS Trung ương		NS tỉnh đối ứng		Nguồn DT công của tỉnh	Nguồn sự nghiệp của tỉnh					Nguồn ĐTPT			Nguồn sự nghiệp -			Tổng	Nguồn ĐT công của tỉnh (QĐ số 2359/QĐ-UBND ngày 15/12/2022)	Nguồn sự nghiệp của tỉnh		
			ĐTPT	SN	ĐTPT	SN							Tổng	Trung ương	Tỉnh, huyện	Tổng	Trung ương	Tỉnh, huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+17+20+23+24	14=15+16	15	16	17=18+19	18	19	20=21+22	21	22	23	24
6	Chuyển đổi nghề (tạo việc làm tăng thu nhập)										1.303	34.700				8.154	7.090	1.064	26.547	-	26.547		
6,1	Hỗ trợ chăn nuôi (Trâu, Bò, Dê, Gà/Vịt, Heo)	40		10		1,5					709	28.360	-	-	-	8.154	7.090	1.064	20.207	-	20.207	-	-
a	Số hộ thuộc vùng DTTS&MN	40		10		1,5					709	28.360				8.154	7.090	1.064	20.207		20.207		
b	Số hộ ngoài vùng DTTS&MN	40						40			0												
6,2	Hỗ trợ nông cụ (Máy cắt cỏ, Máy cưa, Bình xịt thuốc)	10									554	5.540	-	-	-	-	-	-	5.540	-	5.540	-	-
6,3	Xe máy	20						20			40	800	-	-	-	-	-	-	800	-	800	-	-
7	Vay vốn ngân hàng CSXH	100									100	34	3.080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.080

Ghi chú: Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023: Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh giao Dự án 1 là 33 tỷ đồng (vốn NSTW 30 tỷ đồng, vốn NS tỉnh 03 tỷ đồng); trong đó, lồng ghép thực hiện Kế hoạch là 28 tỷ 451 triệu đồng; còn lại 04 tỷ 549 triệu đồng các địa phương tiếp tục thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2023.